

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **51/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/12/2018

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Trần Thị Ngọc Quyên.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 410/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2018; Về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 922/2018/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn Đt, xã H, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Ngọc P, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Số nhà 91A đường N, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đều trình bày:

Chị và anh Lê Ngọc P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình vào ngày 25/8/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống nhau khoảng 6-8 tháng thì chị bỏ về nhà cha mẹ để ở Quảng Bình sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tình cảm với nhau, chị không có việc làm, còn anh P thì hay bỏ nhà đi, không ở nhà và chị cũng không biết là anh bỏ đi đâu. Về nhà hai bên chẳng ai nói chuyện với ai, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ tháng 5/2005 cho đến nay thì vợ chồng không gặp mặt và cũng không liên lạc gì với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh Phú để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh P không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định chị và anh P không có tài sản chung và không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Ngọc P không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại Giấy xin xác nhận ngày 15/8/2018, anh Nguyễn Văn V (anh trai của chị Nguyễn Thị T) trình bày: Từ khi vào Huế lấy chồng vào tháng 8/2004, em gái anh là chị Nguyễn Thị T sống với anh Lê Ngọc P được khoảng 5 tháng. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nên chị T bỏ về nhà cha mẹ đẻ (là nhà của anh) sống. Từ đó cho đến nay, anh P không hề hỏi thăm gì đến chị T và hai bên gia đình cũng không liên lạc gì với nhau. Quá trình chung sống chị T và anh P không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị T xin ly hôn anh P thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh P.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2018, chị Lê Thị Hoàng L (em gái của anh Lê Ngọc P) trình bày: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc P sau khi kết hôn xong thì về sống tại gia đình nhà anh P được 1 ngày thì chị T bỏ đi. Thực sự mâu thuẫn vì lý do gì thì chị và gia đình anh P không được rõ, chỉ thấy sau đêm tân hôn mỗi người một nơi. Mười bốn năm nay chị T cũng không hề liên lạc với gia đình anh P. Nay chị T xin ly hôn anh P thì gia đình và chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh P vì thực tế hai người không chung sống với nhau. Tất cả giấy triệu tập và các văn bản tố tụng Tòa án tổng đạt thì chị đã gửi trực tiếp cho anh P nhưng anh P cho biết anh sẽ không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Anh P đi làm cả ngày, tối mới về nhà, có khi đi cả tuần mới về nhưng làm việc gì ở đâu thì chị L không biết.

Qua xác minh, chính quyền địa phương phường T, thành phố Huế cho biết: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc P không đăng ký kết hôn tại UBND phường T và chị T cũng không sinh sống tại nhà anh P nên về nguyên nhân mâu thuẫn thì UBND phường T không biết. Anh P vẫn sinh sống tại địa chỉ: 91A đường N, phường T, thành phố Huế nhưng không rõ anh P có nghề nghiệp gì. Anh P và chị T không có con chung. Nay chị T xin ly hôn anh P thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh P vì thực tế hai người không chung sống với nhau.

Tại Phiếu đề nghị xác minh ngày 17/7/2018, Công an phường T, thành phố Huế xác nhận: Anh Lê Ngọc P, sinh năm 1971, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 91A đường N, phường T, thành phố Huế và vẫn cư trú tại địa chỉ nói trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh Lê Ngọc Phú.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại khoản 1 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 5; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị T được ly hôn với anh Lê Ngọc P.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Lê Ngọc P. Nơi cư trú: 91A đường N, phường T, thành phố Huế. Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh Lê Ngọc P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung: Anh Lê Ngọc P và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình vào ngày 25/8/2004 trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân giữa anh Lê Ngọc P và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, anh P không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Quá trình chung sống giữa chị T và anh P phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tình cảm với nhau, mặt khác bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không nói chuyện, trao đổi với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Việc anh P không đến Toà án để tham gia tố tụng thể hiện ý thức bỏ mặc, không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của anh P.

Xét thấy hôn nhân giữa anh P và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn của chị T, cho chị T được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh P không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định chị và anh P không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đối với anh Lê Ngọc P về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Ngọc P.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh P không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định chị và anh P không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí:

Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 005653 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu dân.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế